TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đào Thị Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Lương Anh

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2025; Quyết định hoãn phiên toà số 86/2025/QĐST-DS ngày 29/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Lê Thị Anh T, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ D, thôn Đ, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ D, thôn Đ, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Thị Anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T và ông Nguyễn Minh K xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/10/2015. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng với ông K không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 18/12/2015; cháu Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2018. Khi ly hôn bà T đề nghị Toà án giải quyết cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 18/12/2015 và cháu Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2018 đến khi các con thành niên. Bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu (mỗi cháu 2.500.000 đồng) cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2025.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh K đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc tổ chức phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng đều vắng mặt không có lý do và ông K cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình để gửi cho Tòa án.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Minh K vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Lê Thị Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Nguyễn Minh K. Về con chung, bà T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 18/12/2015 và cháu Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2018. Khi ly hôn bà T đề nghị Toà án giải quyết cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U và cháu B đến khi các con thành niên. Bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu (mỗi cháu 2.500.000 đồng) cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2025. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác đinh vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh K Toà án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Lê Thị Anh T, cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Minh K. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 18/12/2015 và cháu Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2018 cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi nên đề nghị Toà án chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T và ông Nguyễn Minh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/10/2015. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh K đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T và ông Nguyễn Minh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/10/2015 trên cơ sở tự nguyện. Theo lời trình bày của bà T thì cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông K đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T và ông K được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

- Về con chung: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 18/12/2015 và cháu Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2018, hiện 2 con đang ở với bà T. Khi ly hôn bà T đề

nghị Toà án giải quyết cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 18/12/2015; cháu Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2018 đến khi các con thành niên. Bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu (mỗi con 2.500.000 đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi.

Xét thấy, hai con chung cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 18/12/2015; cháu Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2018, hiện đang ở cùng bà T, cháu Nguyễn Lê Gia B đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bà T nên cần giao con Nguyễn Ngọc Phương U, con Nguyễn Lê Gia B cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu (mỗi con 2.500.000 đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà T là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T, ông K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu (mỗi con 2.500.000 đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Thị Anh T đối với bị đơn ông Nguyễn Minh K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Lê Thị Anh T và ông Nguyễn Minh K được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 18/12/2015 và Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2018 cho bà Nguyễn Lê Thị Anh T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 2 con chung số tiền 5.000.000 đồng/ tháng/ 2 con (mỗi con 2.500.000 đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Lê Thị Anh T phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng),* bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001689 ngày 10/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, bà T còn phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi Cục THADS TP Đà Lạt;
- UBND xã Xuân Thọ, Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: Bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đào Thị Lương